

Số: 94/BC-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 09 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: **Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Đức Trí**

2. Trụ sở chính: 39/23 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM

Số điện thoại: 3872.5556

Cơ sở: 742/10 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TPHCM

Số điện thoại: 6261.4444

Website: <https://www.tuthucductri.edu.vn> và <https://www.tuthucductri.hcm.edu.vn>

Email: tuthucductri@gmail.com

3. Loại hình: Tự thực

Chủ sở hữu: Bà Đàm Hương Hải – Chủ tịch Hội đồng trường

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng: Nhà trường xây dựng một môi trường văn hóa giáo dục hiện đại với đội ngũ nhà giáo tâm huyết, có trình độ, có năng lực lan tỏa hạnh phúc để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển toàn diện về nhân cách, trí tuệ và năng lực của bản thân.

Mục tiêu giáo dục: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Đức Trí cung cấp cho học sinh một nền tảng tri thức, học vấn phổ thông vững vàng, giúp các em phát triển kiến thức, thể chất, phát huy tính sáng tạo, phát triển năng lực và phẩm chất, rèn luyện tính tự lập và khả năng làm việc trong thời kỳ hiện đại hóa và hội nhập quốc tế theo đúng mục tiêu giáo dục phổ thông “tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh”. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho học sinh học tập tích cực, biết tự học và sáng tạo. Nhà trường áp dụng các phương pháp giáo dục toàn diện với Đức - Trí - Thể - Mỹ - Kỹ năng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống đạo đức, lối sống, tôn trọng lễ nghĩa; có kỹ năng sống tốt để hoàn thiện nhân cách, đào tạo ra những học sinh tốt, hữu dụng, những công dân tương lai của đất nước.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Đức Trí là đơn vị sự nghiệp giáo dục tự thực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Trường được thành lập theo quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 15/05/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bắt đầu hoạt động từ năm học 2010-2011. Trường có 2 cơ sở: Cơ sở 1 đặt tại số 39/23 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, cơ sở 2 đặt tại 742/10 Nguyễn Kiệm, Phường 4, quận Phú Nhuận.

Năm học đầu tiên 2010-2011, trường tuyển sinh được 312 học sinh, có 80 giáo viên (20 giáo viên cơ hữu và 60 giáo viên thỉnh giảng) và 25 nhân viên. Đến năm học 2024-2025, trường có 1799 học sinh, có 158 giáo viên và 70 nhân viên, trong đó đội ngũ giáo viên cơ hữu chiếm tỉ lệ 50.63%, vượt quy định đối với trường tư thục, nhằm mục đích ổn định đội ngũ.

Nhà trường đã xây dựng được một môi trường giáo dục lành mạnh, công bằng, thân thiện và chuyên nghiệp, trong đó mọi người tôn trọng và hợp tác với nhau. Đội ngũ giáo viên cơ hữu và giáo viên thỉnh giảng của nhà trường có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và tinh thần trách nhiệm cao. Trường luôn tạo điều kiện cho giáo viên, cán bộ công nhân viên phát huy tối đa năng lực bản thân, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cải tiến phương pháp làm việc nhằm nâng cao hiệu quả công việc để mỗi cá nhân cảm thấy yêu thích công việc của mình, yêu nghề, yêu trẻ, gắn bó lâu dài với trường.

6. Người đại diện pháp luật: Ông Lê Ngọc Lập

Chức vụ: Hiệu trưởng trường THCS và THPT Đức Trí

Địa chỉ làm việc: 39/23 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM

Số điện thoại: 3872.5556

Email: lnlap.dt@hcm.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- *Quyết định cho phép thành lập trường: 2187/QĐ-UBND ngày 15/05/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*

- *Quyết định cho phép hoạt động giáo dục: 287-42/QĐ-GDDT-TC ngày 10/03/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.*

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- *Quyết định công nhận hội đồng trường: 582/QĐ-SGDĐT ngày 13/03/2024 của Sở GD&ĐT TPHCM*

- *Danh sách thành viên hội đồng trường:*

1. Bà Đàm Hương Hải - Chủ tịch Hội đồng trường

2. Ông Lý Đăng Khoa – Thành viên

3. Ông Lê Ngọc Lập – Thành viên

4. Bà Nguyễn Thị Băng Tâm – Thành viên

5. Bà Vũ Thị Phương Chi – Thành viên

- *Quyết định công nhận chủ tịch hội đồng trường: 2699/QĐ-SGDĐT ngày 04/11/2022 của Sở GD&ĐT TPHCM*

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- *Hiệu trưởng: Ông Lê Ngọc Lập.*

Quyết định công nhận: 1415/QĐ-GDDT-TC ngày 16/07/2020. Nhiệm kỳ: 2020-2025

- Phó Hiệu trưởng: Bà Nguyễn Thị Phi.

Quyết định công nhận số: 863/QĐ-GDDT-TC ngày 01/06/2020. Nhiệm kỳ: 2020-2025

- Phó Hiệu trưởng nhà trường: Bà Đào Hồng Nga.

Quyết định công nhận số: 864/QĐ-GDDT-TC ngày 01/06/2020. Nhiệm kỳ: 2020-2025

- Phó Hiệu trưởng: Bà Thái Thị Ngọc Dung.

Quyết định công nhận số: 865/QĐ-GDDT-TC ngày 01/06/2020. Nhiệm kỳ: 2020-2025

- Phó Hiệu trưởng nhà trường: Ông Lý Đăng Khoa.

Quyết định công nhận số: 866/QĐ-GDDT-TC ngày 01/06/2020. Nhiệm kỳ: 2020-2025

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Nhà trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

e) Thông tin Ban Giám hiệu nhà trường

Họ tên CBQL	Chức vụ	Điện thoại	Điện thoại di động	Email
Lê Ngọc Lập	Hiệu trưởng	66784492	0938676489	lapductri@gmail.com
Nguyễn Thị Phi	Phó Hiệu trưởng	66784491	0903341239	phiductri2402@gmail.com
Đào Hồng Nga	Phó Hiệu trưởng	66784493	0776614798	daohongnga@yahoo.com.vn
Thái Thị Ngọc Dung	Phó Hiệu trưởng	62614444	0961066879	thaithingocdung@gmail.com
Lý Đăng Khoa	Phó Hiệu trưởng		0834712648	lydangkhoa94@hotmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: (đính kèm)

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục.
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục;
- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;
- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	232	0	43	140	7	5	37				28	130		
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	158	0	39	114	4	0	1				28	130		

1	Thể dục	8		1	7							8		
2	Âm nhạc	3			2	1						3		
3	Mỹ thuật	2			1	1						2		
4	Tin học	7		2	5							2	5	
5	Tiếng anh	28		5	22	1						5	23	
6	Ngữ Văn	25		4	21							5	20	
7	Lịch sử	8		1	7							1	7	
8	Địa lý	8		3	4	1						1	7	
9	Toán học	27		14	13							5	22	
10	Vật lý	10		3	7							3	7	
11	Hóa học	12		2	10							3	9	
12	Sinh học	6		2	4							2	4	
13	GDCD	6		1	5							1	5	
14	Công nghệ	3			3								3	
15	GDQP	4		1	3								4	
II	Cán bộ quản lý	4		2	2									
1	Hiệu trưởng	1			1									
2	Phó hiệu trưởng	3		2	1									
III	Nhân viên	70		2	23	3	5	37						
1	Nhân viên văn thư	3			2			1						
2	Nhân viên kế toán	5			3	2								
3	Thủ quỹ	1			1									
4	Nhân viên y tế	3			1		2							
5	Nhân viên thư viện	3			3									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	3			2			1						
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	2			2									
9	Bảo vệ	9						9						
10	Phục vụ	18						18						
11	Bảo trì, kỹ thuật	4						4						
12	Nhân viên khác	20		2	10	1	3	4						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	62	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	62	-

	+ THCS	21	
	+ THPT	41	
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Số phòng học bộ môn	17	-
4	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
5	Bình quân lớp/phòng học	11 lớp/phòng	-
6	Bình quân học sinh/lớp	30	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	1730	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1045	
VI	Tổng diện tích các phòng	3002	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2640	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	912	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	30	
3	Diện tích thư viện (m ²)	192	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	15	
2	Khối lớp 7	30	
3	Khối lớp 8	30	
4	Khối lớp 9	35	
5	Khối lớp 10	60	
6	Khối lớp 11	60	
7	Khối lớp 12	60	
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
5			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	150	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	
2	Cắt xét	15	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	72	
5	Thiết bị khác (Loa, micro, amply, ...)	85	
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp					
XI	Nhà ăn					
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	55 phòng (sử dụng phòng học)				
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /phòng	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		85		1.5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

- Nhà trường có xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm và đạt được kết quả.
(Đính kèm văn bản Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 và Báo cáo kết quả đạt được)

- Trường THCS và THPT Đức Trí được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 theo Quyết định số 1253-50/QĐ-SGDĐT ngày 19/05/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

↓ CẤP THCS

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	577	175	139	86	177
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	89.25	89.1	87.1	89.5	90.9 6
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	10.75	10.9	13	10.5	9.04
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					

4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	577	175	139	86	177
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	48.01	46.3	59.7	39.5	44.6
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	39.86	44	30.9	45.4	40.1
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	12.13	9.71	9.35	15.1	15.3
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	100
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	19.6	10.3	16.6	4.65	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	24.26	35.4	41.7	34.9	44.6 3
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	40.11				40.1 1
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	5.65	0	6.82	8.83	6.35
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	1	0	0	0	1
1	Cấp tỉnh/thành phố	1	0	0	0	1
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	177				177
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	177				177
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					44.6 3

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					40.1 2
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					15.2 5
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	329/24 8	108/6 7	84/55	45/41	92/85
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	7	4	2	0	1

↓ CẤP THPT

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1139	350	496	293	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	93.33	91.43	91.53	98.63	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	6.32	7.43	8.47	1.37	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.35	1.14			
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	1139	350	496	293	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	31.96	28.57	29.64	39.93	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54.7	54.29	55.65	53.58	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	13.17	17.14	14.52	6.14	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.18		0.2	0.34	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	1.93	2.86	2.42		
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	19.67	25.71	27.02	39.93	
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	13.78			53.58	
2	Thi lại	0	0	0.2	0	

	(tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	2.48	0	8.11	0.94	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	3			3	
1	Cấp tỉnh/thành phố	3			3	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				293	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				293	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học (trên 15 điểm) (tỷ lệ so với tổng số)				99	
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học & cao đẳng (trên 13 điểm) (tỷ lệ so với tổng số)				100	
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	646/49 3	195/15 5	270/22 6	181/1 12	
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	16	2	7	7	

PHÒNG
HỒ CHÍ MINH

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

- Tình hình tài chính của nhà trường được báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học.

b) Thực hiện chính sách giảm học phí, học bổng đối với người học.

(Đính kèm Báo cáo tài chính năm học 2023-2024)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

Trong năm học 2023-2024, trường Đức Trí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Cụ thể như sau:

1. Thành tích cá nhân:

- Số học sinh giỏi khối 9 cấp Thành phố là 01 học sinh và cấp Quận là 05 học sinh
- Số học sinh giỏi khối 12 cấp Thành phố là 03 học sinh.
- Số học sinh đạt giải kỳ thi Olympic Tháng Tư Thành phố là 03 học sinh.
- Giáo viên dạy giỏi cấp Quận: 03
- Giáo viên đạt “Giáo viên tiêu biểu Quận 7”: 04
- Giáo viên đạt giải cuộc thi Thiết kế bài giảng STEM cấp thành phố: 02
- Có 03 giải trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp thành phố
- Đạt giải cuộc thi “Khéo tay kỹ thuật” cấp Quận: 01 học sinh;
- Đạt 19 giải Thể dục thể thao cấp thành phố (7 HCV, 9 HCB và 3 HCD)
- Đạt 2 huy chương Bạc và Đồng môn bơi lội cấp quốc gia

2. Thành tích chung:

- Đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”
- Đạt tiêu chuẩn Trường học văn hóa
- Đạt Giấy chứng nhận trường học an toàn
- Kết quả kiểm tra liên ngành về công tác y tế đạt 96.55/99 điểm. Xếp loại Tốt.
- Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Công đoàn vững mạnh

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (báo cáo);
- Website;
- Lưu VP

